TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/KDTM-PT
Ngày 12-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Ông Phan Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Khang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2025/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 17/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2025/QĐXX-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V1 (viết tắt là V2); địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng A, số I C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cảnh H và ông Tăng Ngọc T; cùng địa chỉ: Tầng A, số I C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2024), ông H có mặt, ông T vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần D; trụ sở: số F, đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1982; thường trú: thôn C, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Số F, đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần D), có mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn V; thường trú: thôn C, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Số F, đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty cổ phần D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 (gọi tắt là V2) là ông Nguyễn Cảnh H trình bày:*

Giữa Ngân hàng TMCP V1 (gọi tắt là V2) với Công ty cổ phần D (gọi tắt là Công ty D) có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số BDG/23008 ngày 15/02/2023 với nội dung hạn mức vay là 270.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng này; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là: 20,7%/năm; lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì hạn mức vay thấu chi; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ ợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số BDG/23008 ngày 15/02/2023 được bảo đảm bằng tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn V thông qua Hợp đồng bảo lãnh số BDG/23008/HDBL ngày 15/02/2023 với nội dung tóm lược là ông Nguyễn Văn V đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty D trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản nêu trên giữa V2 và Công ty D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho V2. Vì vậy, toàn bộ khoản vay của Công ty D đã được chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 16/02/2024. V2 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty D và ông Nguyễn Văn V để yêu cầu thanh toán khoản nợ vay, thực hiện cam kết với V2 nhưng Công ty D và ông Nguyễn Văn V cố tình lần tránh, kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty D cho V2.

Vì vậy, V2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty cổ phần D Ngoại thương có trách nhiệm thanh toán cho V3 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 17/01/2025 là 262.585.687 đồng, trong đó nợ gốc là 202.037.164 đồng; lãi trong hạn là 2.406.183 đồng, lãi quá hạn là 57.920.180 đồng và phạt chậm trả là 222.160 đồng.

Kể từ ngày 18/01/2025, Công ty cổ phần D vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho V2.

- Trường hợp Công ty cổ phần D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 thì ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên theo Hợp đồng bảo lãnh số BDG/23008/HDBL ngày 15/02/2023.

** Đối với bị đơn Công ty cổ phần D Ngoại thương:*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố D đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để bị đơn Công ty cổ phần D tham gia giải quyết vụ án, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu Công ty cổ phần D có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng Công ty cổ phần D Ngoại thương không có ý kiến, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V:*

Tòa án nhân dân thành phố D đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V tham gia giải quyết vụ án nhưng ông V vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu ông V có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông V không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông V.

** Tại Công văn số 2334/ĐKKD ngày 15/11/2024 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cung cấp thông tin:*

Công ty cổ phần D, mã số doanh nghiệp C; đăng ký lần đầu ngày 28/8/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/5/2023; địa chỉ trụ sở chính: Số F, đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông/Bà Nguyễn Văn V.

Tình trạng pháp lý: Đang hoạt động.

Hiện tại, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 17/01/2025, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 đối với Công ty Cổ phần D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty cổ phần D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản

BDG/23008 tính đến ngày 17/01/2025 là 262.585.687 đồng, trong đó nợ gốc là 202.037.164 đồng; lãi trong hạn là 2.406.183 đồng, lãi quá hạn là 57.920.180 đồng và phạt chậm trả là 222.160 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 18/01/2025 cho đến khi Công ty cổ phần D Ngoại thương trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số BDG/23008 ngày 15/02/2023.

2. Trường hợp Công ty cổ phần D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 thì ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên theo Hợp đồng bảo lãnh số BDG/23008/HDBL ngày 15/02/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 19/02/2025, bị đơn Công ty cổ phần D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Ngân hàng TMCP V1 trừ số tiền 50.000.000 đồng mà Công ty đã thanh toán vào số tiền nợ gốc và áp dụng mức lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng N.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định bị đơn đã thanh toán được tổng số tiền 49.057.465 đồng, đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền nợ gốc của bị đơn, giữ nguyên mức lãi suất tại Hợp đồng đã ký. Bị đơn Công ty Cổ phần D Ngoại thương giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý thanh toán dư nợ gốc nhưng yêu cầu áp dụng mức lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng N là 9%/năm đối với số tiền nợ gốc còn lại còn lại là 152.979.699 đồng, không áp dụng mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 17/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết buộc bị đơn trả khoản nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản BDG/23008 đã ký là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn xác định bị đơn đã thanh toán được 01 phần nợ gốc là 49.057.465 đồng nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Đối với yêu cầu áp dụng mức lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng N là 9%/năm nhưng không được nguyên đơn đồng ý, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Công ty cổ phần D kháng cáo trong hạn luật định, đơn kháng cáo có nội dung hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung vụ án:

Ngân hàng TMCP V1 (V3) với Công ty Cổ phần D đều thống nhất xác nhận hai bên có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản BDG/23008 15/02/2023 với nội dung V3 cấp cho Công ty D hạn mức thấu chi 270.000.000 đồng. Tài khoản được sử dụng để nhận và sử dụng vốn vay thấu chi: Tài khoản thanh toán số 278968758 của Khách hàng mở tại Ngân hàng. Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng, tính từ ngày ký kết Hợp đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 20,7%/năm. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với dư nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 16/02/2024. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận tính đến ngày 31/5/2025 thì số tiền nợ gốc còn lại của bị đơn là 152.979.699 đồng và lãi suất phát sinh. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

Căn cứ vào thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số BDG/23008 ngày 15/02/2023 được giao kết giữa người có thẩm quyền của V3 với người có thẩm quyền của Công ty D, theo đó các bên đã thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là: 20,7%/năm; lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì hạn mức vay thấu chi; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*".

Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng khi ký Hợp đồng thì cán bộ Ngân hàng không thông báo về mức lãi suất cho vay. Tuy nhiên, tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 của Hợp đồng lại thể hiện: "*Khách hàng xác nhận rằng đã được bên ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện giao dịch chung trước khi ký hợp đồng này; đã đọc, hiểu rõ và xác nhận rằng các điều kiện, điều khoản của điều kiện giao dịch chung bảo đảm sự bình đẳng giữa khách hàng và bên ngân hàng trong giao dịch này, theo đó khách hàng đồng ý chấp nhận các điều khoản*

và điều kiện tại điều kiện giao dịch chung". Và tại Khoản 6 Điều 11 Hợp đồng cũng thể hiện: "*Các bên xác nhận rằng việc giao kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa đối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên*". Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng thừa nhận khi ký Hợp đồng không bị ai ép buộc, đe doạ và sau khi Ngân hàng giải ngân được một thời gian thì bị đơn đã biết về mức lãi suất như trên nhưng do chưa có tiền để trả Ngân hàng nên không có bất kỳ khiếu nại nào về mức lãi suất đã thoả thuận tại Hợp đồng. Do đó, không có căn cứ xác định bị đơn đã bị nguyên đơn lừa dối về mức lãi suất cho vay. Xét, Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số BDG/23008 ngày 15/02/2023 thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

Tại Biên bản làm việc ngày 19/6/2024 người đại diện theo pháp luật của bị đơn xác định tính đến ngày 13/6/2024 thì dư nợ gốc của bị đơn là 202.037.164 đồng. Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn cũng yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc nêu trên và buộc tính lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ tổng số nợ còn thiếu đến ngày 17/01/2025 là 262.585.687 đồng, trong đó nợ gốc là 202.037.164 đồng; lãi trong hạn là 2.406.183 đồng, lãi quá hạn là 57.920.180 đồng và phạt chậm trả là 222.160 đồng là có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo yêu cầu khấu trừ số tiền đã thanh toán và áp dụng mức lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng N là 9%/năm đối với dư nợ gốc còn lại nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ đồng ý khấu trừ tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là 49.057.465 đồng vào dự nợ gốc, không đồng ý áp dụng mức lãi suất 9%/năm theo yêu cầu của bị đơn. Đây là tình tiết mới nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, cần sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến số tiền nợ gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP V1.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần D về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

2. Sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 17/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương như sau :

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 đối với Công ty Cổ phần D về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc Công ty cổ phần D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản BDG/23008 tạm tính đến ngày 17/01/2025 là 213.528.222 đồng, trong đó nợ gốc là 152.979.699 đồng, lãi trong hạn là 2.406.183 đồng, lãi quá hạn là 57.920.180 đồng và phạt chậm trả là 222.160 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 18/01/2025 cho đến khi Công ty cổ phần D Ngoại thương trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số BDG/23008 ngày 15/02/2023.

2.2. Trường hợp Công ty cổ phần D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 thì ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên theo Hợp đồng bảo lãnh số BDG/23008/HDBL ngày 15/02/2023.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần D phải chịu 10.676.411 đồng (mười triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm mười một đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D trả lại cho Ngân hàng TMCP V1 5.836.130 đồng (năm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001654 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D hoàn trả lại số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng cho Công ty cổ phần D theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007853 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA